

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/HS-ST
Ngày 28 tháng 4 năm 2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Nhiên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Minh Đón.

Ông Nguyễn Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Thuận - Thư ký viên chính Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh H tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2021/TLST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 16/2021/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/HSST – QĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn T, sinh ngày 01/5/1991. Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không. STQ: thôn L, xã Y, huyện Y, tỉnh H. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Chức vụ trước khi phạm tội: Không. Trình độ học vấn: 9/12. Con ông: Phạm Văn D và con bà Nguyễn Thị S. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai. Vợ: Nguyễn Thị Th và Con có 02 con, con thứ nhất sinh năm 2018, con thứ hai sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/10/2020 đến ngày 01/12/2020 được thay thế biện pháp Bảo lãnh. (có mặt tại phiên tòa)

2. Phạm Văn T1, sinh ngày 22/7/1990. Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không. STQ: thôn L, xã Y, huyện Y, tỉnh H. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Chức vụ trước khi phạm tội: Không. Trình độ học vấn: 12/12. Con ông Phạm Văn H và con bà Đỗ Thị Thu H1. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Vợ: Đồng Thị H2 và Con có 02 con, con thứ nhất sinh năm 2014, con thứ hai sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/10/2020 đến ngày 01/12/2020 được thay thế biện pháp Bảo lãnh. (có mặt tại phiên tòa)

3. Phạm Xuân H3, sinh ngày 19/02/1986. Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không. STQ: thôn L, xã Y, huyện Y, tỉnh H. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Chức vụ trước khi phạm tội: Không. Trình độ học vấn: 6/12. Con ông Phạm Văn H4 và con bà Luyện Thị L. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai. Vợ: Man Thị H5 và Con có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/10/2020 đến ngày 01/12/2020 được thay thế bằng biện pháp Bảo lãnh. (có mặt tại phiên tòa)

*** Bị hại:**

1. Trung tâm V Khu Vực III;

Địa chỉ: Thị trấn N, huyện V, tỉnh H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phí Ngọc H6 – Giám đốc; (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân C – Tổ trưởng tổ kỹ thuật 3; (Có mặt)

2. Trung tâm V khu vực IV;

Địa chỉ: Đường V, phường B, thị xã M, tỉnh H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Anh M - Giám đốc; (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Chu Huy Đ – Phó giám đốc. (Có mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Tạ Minh Ch, sinh năm: 1961; (Vắng mặt)

2. Anh Tạ Minh T2, sinh năm: 1988; (Vắng mặt)

Đều địa chỉ: thôn A, xã Đ, huyện K, tỉnh H.

3. Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1993; (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã Y, huyện Y, tỉnh H.

*** Người làm chứng:**

1. Anh Nguyễn Anh M, sinh năm: 1973;

Địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện A, tỉnh H.

2. Anh Nguyễn Văn L1, sinh năm: 1981;

Địa chỉ: Số nhà 41 N, phường B, thị xã M, tỉnh H.

3. Anh Trương Tuấn A, sinh năm: 1979;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh H.

4. Ông Vũ Ngọc H7, sinh năm: 1963;

Địa chỉ: Thôn P, xã M, huyện V, tỉnh H.

5. Anh Phạm Văn Th1, sinh năm: 1989;

6. Anh Đỗ Xuân H8, sinh năm: 1990;

7. Anh Quách Văn S, sinh năm: 1972;

Đều địa chỉ: Thôn L, xã Y, huyện Y, tỉnh H.

8. Anh Trần Quốc H9, sinh năm: 1981;

Địa chỉ: Đội 2, xã L, thành phố H, tỉnh H.

9 Anh Vũ Mạnh D1, sinh năm: 1991;
Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, thành phố H, tỉnh H.
10. Anh Ngô Long B, sinh năm: 1971;
Địa chỉ: Đội 7, xã L, thành phố H, tỉnh H.
11. Chị Sòng Thị M1, sinh năm: 1987;
Địa chỉ: Bản C, xã L, huyện V, tỉnh S.
12. Chị Phạm Thị H10, sinh năm: 1983;
Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện H, tỉnh T.
13. Anh Bùi Duy Th2, sinh năm: 1988;
Địa chỉ: Thôn M, xã VL, huyện H, tỉnh T.
Những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ giữa tháng 8 năm 2020 đến ngày 30/9/2020 trên địa bàn các huyện Y, V xảy ra một số vụ trộm cắp tài sản do Phạm Văn T sinh năm 1991; Phạm Văn T1 sinh năm 1990; Phạm Xuân H3 sinh năm 1986 cùng ở thôn L, xã Y, huyện Y, tỉnh H thực hiện. Cụ thể như sau:

Vụ thứ 1: Khoảng giữa tháng 8/2020, Phạm Văn T sử dụng số điện thoại 0984.929.000 gọi đến số điện thoại 0348.489.412 của Phạm Xuân H3, rủ H3 đi trộm cắp dây cáp viễn thông, H3 đồng ý. T chuẩn bị thang tre, kìm cộng lực, tay cầm màu cam đặt lên xe ba gác tự chế, lấy dây bảo hiểm bằng vải màu xanh tại nhà T cho vào cốp xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius, màu trắng, biển số 17B1-024.16 sau đó buộc xe ba gác vào khung xe mô tô. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, H3 đi bộ đến nhà T. T điều khiển xe mô tô chở H3 đến gần bãi rác Thôn T, xã Y, tỉnh H. T đeo dây bảo hiểm ngang bụng và cầm kìm cộng lực treo lên thang tre dựa vào cột điện. T dùng kìm cộng lực cắt đứt đầu dây cáp viễn thông loại (50x2x0,5) sát cột điện để dây rơi xuống vệ đường. Sau đó đi đến các cột điện kế tiếp cắt các đoạn dây cáp thì được 04 đoạn dây cáp mỗi đoạn có chiều dài khoảng 40m. H3 ở dưới cuộn tròn các đoạn dây cáp rồi để lên xe ba gác. Sau đó, T chở H3 cùng số dây cáp vừa trộm cắp được đến cửa hàng thu mua phế liệu ở Thôn TH, xã Y, tỉnh H của Tạ Minh Ch, bán được số tiền 4.000.000 đồng. T chia cho H3 số tiền 1.500.000 đồng. Cả hai đã tiêu sài cá nhân hết số tiền trên.

Kết luận định giá tài sản số 51 ngày 23/11/2020 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Y, kết luận: Đoạn dây cáp viễn thông loại (50x2x0,5) dài khoảng 160m giá trị 4.453.120 đồng.

Vụ thứ 2: Khoảng 15 giờ ngày 20/9/2020, Phạm Văn T1 đang ở nhà Phạm Văn T chơi thì T rủ T1 đi trộm dây cáp viễn thông, T1 đồng ý. T cũng sử dụng xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Siruus, màu trắng biển số 17B1-024.16 của T, buộc xe ba gác vào đuôi xe mô tô, thang tre, kìm cộng lực và dây bảo hiểm bằng vải như lần trước rồi chở T1 đến cổng làng thôn TT, xã Yên Phú, huyện Yên Mỹ. T bảo T1 “mày ở dưới cuộn dây, anh

lên cây”, T1 đồng ý. T đeo dây bảo hiểm ngang bụng và cầm kìm cộng lực treo lên thang tre dựa vào cột điện. T dùng kìm cộng lực cắt đứt đầu dây cáp viễn thông loại 50x2x0,5) làm dây rơi xuống vệ đường. Tổng cộng T và T1 cắt trộm được khoảng 160m dây cáp viễn thông. T1 ở dưới cuộn các đoạn dây cáp cho lên xe ba gác, sau đó T chở T1 cùng số dây cáp trên về nhà mình. Đến khoảng 09 giờ ngày 23/9/2020, T gọi điện cho Tạ Minh T2 báo đến nhà T mua dây cáp viễn thông. Tạ Minh T2 gọi điện cho bố đẻ mình là Tạ Minh Ch đến nhà T thu mua số dây cáp trên. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, Tạ Minh Ch đến thu mua số dây cáp và đưa cho T số tiền 4.360.000 đồng. Đến sáng ngày 24/9/2020 T đến nhà T1 và đưa cho T1 số tiền 1.500.000 đồng là tiền bán dây cáp viễn thông mà T và T1 trộm cắp được. Cả hai đã tiêu sài cá nhân hết.

Kết luận định giá tài sản số 51 ngày 23/11/2020 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Y, kết luận: Đoạn dây cáp viễn thông loại (50x2x0,5) dài khoảng 160m giá trị 4.453.120 đồng.

Vụ thứ 3: Khoảng 10 giờ ngày 30/9/2020 T sử dụng số điện thoại 0984.929.000 gọi điện đến số 0348.489.412 của H3 rủ H3 cùng đi trộm dây cáp viễn thông, H3 đồng ý. T tiếp tục gọi vào số điện thoại 0982.123.152 của T1 rủ đi trộm cáp dây cáp, T1 đồng ý. T cũng sử dụng xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Siruus, màu trắng biển số 17B1-024.16 (đã sử dụng đi trộm cáp trước đó), sau đó buộc xe ba gác vào đuôi xe mô tô, thang tre, kìm cộng lực và dây bảo hiểm bằng vải như lần trước rồi chở H3, T1 đi về hướng Thôn T, xã Y, tỉnh H, tỉnh H. T đeo dây bảo hiểm ngang bụng và cầm kìm cộng lực treo lên thang tre dựa vào cột điện. T dùng kìm cộng lực cắt đứt đầu dây cáp viễn thông loại (100x2x0,5) làm dây rơi xuống vệ đường và được 03 đoạn dây, mỗi đoạn dài khoảng hơn 50m. Tổng chiều dài 03 đoạn cáp viễn thông là 155m. Dây cáp đã cắt được H3, T1 cuộn lại và để lên thùng xe ba gác. T chở H3, T1 cùng số dây cáp trộm cắp được về nhà cất giấu tại vườn nhà T. Sau đó, T tiếp tục rủ H3, T1 đến khu vực thôn P, xã M, huyện V, tỉnh H, để trộm cáp dây cáp viễn thông. H3 và T1 đồng ý. T tiếp tục điều khiển xe mô tô trên kéo theo xe ba gác chở H3, T1 đến cánh đồng thôn P thì dừng lại. T sử dụng dao, phương thức và các công cụ như trên cắt trộm được 07 đoạn dây cáp viễn thông loại (50x2x0,5)cm gồm 05 đoạn đều dài khoảng 40m, 02 đoạn đều dài khoảng 70m, tổng chiều dài 07 đoạn khoảng 314m. H3 và T1 ở dưới cuộn các đoạn dây T cắt được cho lên thùng xe ba gác. T chở H3, T1 cùng số dây cáp về nhà cất giấu tại vườn nhà T.

Kết luận định giá tài sản số 39 ngày 05/10/2020 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Y, kết luận: 01 đoạn dây cáp điện thoại loại (100x2x0,5) dài 56m, nặng 28kg, 01 đoạn dây cáp điện thoại loại (100x2x0,5) dài 55m, nặng 25kg, 01 đoạn dây cáp điện thoại loại (100x2x0,5) dài 44m, nặng 22kg. Tổng giá trị tài sản là 6.000.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 48 ngày 10/11/2020 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V kết luận: 360m dây cáp đồng treo loại (50x2x1,5), nặng 183kg trị giá 14.640.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định, các bị cáo trộm cắp được số dây cáp điện ở thôn P, xã M, huyện V, tỉnh H là 314m, loại (50x2x0,5) có tổng giá trị tài sản là: 12.769.333 đồng.

Ngày 03/10/2020, Phạm Văn T và Phạm Văn T1 đến Công an huyện Y đầu thú về hành vi phạm tội của mình. Quá trình đầu thú T và T1 giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme màu đen, bên trong lắp sim số 0984.929.000 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9 màu xanh, bên trong lắp sim số 0982.123.152.

Cùng ngày Cơ quan CSĐT Công an huyện Y khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Văn T sinh năm 1991, ở thôn L, xã Y, huyện Y, tỉnh H. Quá trình khám xét thu giữ: 06 cuộn dây cáp viễn thông đánh số kí hiệu từ A1-A6, 01 cuộn dây cáp kí hiệu B1, 07 cuộn dây cáp kí hiệu từ C1-C7, 01 cuộn dây cáp kí hiệu D1, 01 kìm cộng lực dài 90cm, tay cầm màu cam, 01 thang tre màu vàng dài 4m, 01 xe ba gác tự chế, kích thước dài 3m, rộng 1,2m, 01 kéo dạng kéo cắt cáp màu xanh dài 0,6m, tay cầm màu đen dài 0,13m, 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius màu trắng, biển số 17B1-024.16 bên trong cốp xe có 01 dây đai bằng vải màu xanh.

Ngày 04/10/2020 Cơ quan CSĐT Công an huyện Y khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Văn T1 sinh năm 1990 và Phạm Xuân H3 sinh năm 1986 đều ở thôn L, xã Y, huyện Y, tỉnh H. Quá trình khám xét không thu giữ, đồ vật gì.

Ngày 05/10/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Phạm Xuân H3 sinh năm 1986 đều ở thôn L, xã Y, huyện Y, tỉnh H. Quá trình điều tra H3 giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen, bên trong có 01 sim số 0348.489.412.

Quá trình kiểm tra 03 điện thoại thu giữ của T, T1 và H3 phát hiện các cuộc gọi liên lạc giữa T, T1 và H3 phù hợp với lời khai của các bị can. Sau khi kiểm tra đã niêm phong ký hiệu M3.

Ngày 15/10/2020 Cơ quan CSĐT Công an huyện Y trả lại 03 cuộn dây cáp có vỏ ngoài màu đen, bên trong chứa 200 sợi dây đồng nhiều màu, tổng chiều dài là 155m, khối lượng 75kg cho chủ sở hữu là Trung tâm V khu vực IV VNPT H, đã nhận lại và không có yêu cầu đề nghị gì.

Ngày 02/12/2020 Cơ quan CSĐT Công an huyện Y trả lại 03 cuộn dây cáp có vỏ ngoài màu đen, bên trong chứa 100 sợi dây đồng nhiều màu, tổng chiều dài là 314m, khối lượng 160kg cho chủ sở hữu là Trung tâm V khu vực III VNPT H, đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì.

Ngày 09/12/2020, Phạm Văn T, Phạm Văn T1, Phạm Xuân H3 đã bồi thường cho Trung tâm V khu vực IV VNPT H số tiền 8.910.000 đồng, đối với 160m dây cáp viễn thông loại (50x2x0,5)cm mà Phạm Văn T, Phạm Xuân H3 trộm cắp khoảng giữa tháng 8/2020 tại Thôn T, xã Y, tỉnh H và 160m dây cáp viễn thông loại (50x2x0,5) mà Phạm Văn T, Phạm Văn T1 trộm cắp ngày 20/9/2020 tại thôn TT, xã Y, huyện Y. Đại diện bị hại đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu TT1, H3 bồi thường gì.

Quá trình điều tra các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius trắng, số khung RLCS5C6409Y104973, số máy 5C64-104978 đeo biển số 17B1-024.16 thu giữ tại nhà Phạm Văn T. Quá trình xác minh, xác định biển số 17B1-024.16 là của xe mô tô có nhãn hiệu YAMAHA MIO AMORE số khung 5WP204Y001385, số máy 5WP2-01385 đứng

tên chị Phạm Thị H10 sinh năm 1983, ở Thôn T, xã V, huyện H, tỉnh T. Năm 2012 chị Hoa bán chiếc xe này cho cửa hàng xe cũ ở thành phố T (không rõ địa chỉ) với giá 5.000.000 đồng. Kết quả tra cứu số khung RLCS5C6409Y104973, số máy 5C64-104978 là của chiếc xe nhãn hiệu Sirius, màu trắng xanh có biển số 17M4-6327 của anh Bùi Duy Th2 sinh năm 1988 ở Thôn M, xã VL, huyện H, tỉnh T. Anh Th2 trình bày chiếc xe anh mua từ tháng 2/2009 tại cửa hàng xe máy ở thành phố T với giá 19.000.000 đồng, đến năm 2016 bán lại cho cửa hàng xe máy cũ trên địa bàn huyện H, tỉnh T với giá 7.000.000 đồng. Kết quả tra cứu không có trong cơ sở vật chứng. Phạm Văn T trình bày mua xe của cửa hàng mua bán xe cũ (không rõ địa chỉ) và đã làm mất giấy tờ xe.

Đối với 01 kìm cộng lực dài 90cm, tay cầm màu cam, 01 thang tre màu vàng dài 4m, 01 xe ba gác tự chế, kích thước dài 3m, rộng 1,2m, 01 kéo dạng kéo cắt cáp màu xanh dài 0,6m, tay cầm màu đen dài 0,13m và 01 dây đai bằng vải màu xanh thu giữ tại nhà Phạm Văn T. Quá trình điều tra xác định là của bị cáo T sử dụng khi đi trộm cắp tài sản.

Đối với 03 điện thoại thu giữ của T, T1 và H3, quá trình điều tra xác định là của các bị cáo sử dụng để liên lạc với nhau khi đi trộm cắp tài sản.

Ngày 04/10/2020 Cơ quan CSĐT Công an huyện Y khám xét khẩn cấp cơ sở thu mua phế liệu của Tạ Minh T2 sinh năm 1988 ở Thôn TH, xã Y, tỉnh H, tỉnh H. Quá trình khám xét thu giữ: 01 xe ba gác tự chế, chiều dài thân xe 2,7m, rộng 1,05m, dài 2,1m được buộc gắn vào cang xe bằng dây dù màu xanh, 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius màu vàng trắng, đen, không đeo biển số, 01 con dao bằng kim loại đã hoen rỉ dài 40cm, rộng 7cm, chuôi dao dài 10cm (niêm phong ký hiệu K1); 02 bao tải chứa trong đó 01 bao kích thước (0,75x1,2)m màu xám, bên trong có 20 đoạn dây điện, có kích thước khác nhau, 01 bao tải chứa màu xanh kích thước (0,75x1,2)m bên trong có 18 đoạn dây điện, kích thước khác nhau. Quá trình xác minh, xác định chiếc xe mô tô trên có biển số 26G1-075.77 là của chị Sòng Thị M1 sinh năm 1987 ở bản C, xã L, huyện V, tỉnh S. Năm 2017, chị Mê bán lại chiếc xe trên cho anh Tạ Minh T2 với giá 10.000.000 đồng, khi mua bán không viết giấy tờ gì. Kết quả tra cứu không có trong cơ sở vật chứng. Đối với 01 xe ba gác tự chế, chiều dài thân xe 2,7m, rộng 1,05m, dài 2,1m được buộc gắn vào cang xe bằng dây dù màu xanh; 01 con dao bằng kim loại đã hoen rỉ dài 40cm, rộng 7cm, chuôi dao dài 10cm thu giữ tại nhà Tạ Minh T2 là tài sản của T. Chiếc xe T sử dụng trong quá trình mua dây cáp của bị cáo T. Con dao sử dụng trong quá trình cắt các đoạn dây cáp sau khi mua được.

Đối với hành vi mua dây cáp viễn thông của Tạ Minh T2, Tạ Minh Ch, quá trình điều tra xác định khi bán các đoạn dây cáp viễn thông, Phạm Văn T không nói về nguồn gốc các đoạn dây cáp trên do trộm cắp mà có, Tạ Minh T2 và Tạ Minh Ch cũng không biết các tài sản mua được do trộm cắp mà có nên không có căn cứ xử lý.

Đối với 160m dây cáp viễn thông loại (50x2x0,5)cm mà Phạm Văn T, Phạm Xuân H3 trộm cắp khoảng giữa tháng 8/2020 tại Thôn T, xã Y, tỉnh H và 160m dây cáp viễn thông loại (50x2x0,5) mà Phạm Văn T, Phạm Văn T1 trộm cắp ngày 20/9/2020 tại thôn

TT, xã Y, huyện Y sau đó bán cho Tạ Minh Ch. Tạ Minh Ch đã bán anh S3 người cùng thôn, số tiền bán được đã tiêu hết.

Đối với 80m dây cáp viễn thông loại (50x2x0,5) mà Trung tâm V khu vực IV VNPT H trình bày bị mất tại Thôn T, xã Y, tỉnh H do chưa có căn cứ xử lý nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Y tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Đối với 01 cuộn dây cáp kí hiệu B1, 07 cuộn dây cáp kí hiệu từ C1-C7 và 01 cuộn dây cáp kí hiệu D1 thu giữ tại nhà Phạm Văn T. Quá trình điều tra xác định là do Trần Quốc H9 sinh năm 1981 ở Đội 2 – L– thành phố H thu hồi cho nhà mạng Viettel chi nhánh H sau đó gửi lại nhà T. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã có công văn trao đổi nhưng chưa có kết quả trả lời của Viettel chi nhánh H nên sẽ tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Đối với 02 bao tải chứa trong đó 01 bao kích thước (0,75x1,2)m màu xám, bên trong có 20 đoạn dây điện, có kích thước khác nhau, 01 bao tải chứa màu xanh kích thước (0,75x1,2)m bên trong có 18 đoạn dây điện, kích thước khác nhau thu giữ tại nhà Tạ Minh T2. Quá trình điều tra do chưa xác định được chủ sở hữu nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Y tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

Tại Bản cáo trạng số 15/CT-VKS-YM ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh H truy tố các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn T1, Phạm Xuân H3 về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

* Các bị cáo khai nhận hành vi như cáo trạng, bị cáo T khai ông ngoại có huân huy chương nhưng không xuất trình được tại phiên tòa, bị cáo T1 khai ông ngoại, bà ngoại, ông nội của bị cáo có huân huy chương nhưng bị cáo không giao nộp được, bị cáo H3 khai ông nội bị cáo có huân huy chương nhưng bị cáo không nộp được tại phiên tòa, các bị cáo đều đề nghị xin được giảm nhẹ hình phạt.

* Chị Nguyễn Thị Th trình bày: Chị là vợ của bị cáo T, chiếc xe máy T dùng để đi trộm cắp là tài sản chung của chị và T, khi mang đi trộm cắp T không nói cho chị biết, chị có quan điểm xin được nhận lại ½ chiếc xe máy này.

* Kiểm sát viên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai đại diện bị hại, Người liên quan, Người làm chứng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ nên Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn T1, Phạm Xuân H3 về tội Trộm cắp tài sản. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s, b khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn T1, Phạm Xuân H3. Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T, T1. Điều 47 Bộ luật hình sự. Điều 106, 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn T1, Phạm Xuân H3 phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt Phạm Văn T 01 năm – 01 năm 02 tháng tù được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/10/2020 đến ngày 01/12/2020, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn T1 từ 09 tháng – 01 năm tù được trừ thời gian tạm giữ,

tạm giam từ ngày 03/10/2020 đến ngày 01/12/2020, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo Phạm Xuân H3 09 tháng – 01 năm tù được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/10/2020 đến ngày 01/12/2020, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

Ngoài ra Viện kiểm sát còn đề nghị về trách nhiệm dân sự, vật chứng, án phí.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị HĐXX xử mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Người bào chữa, các bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của đại diện bị hại, người liên quan, người làm chứng, Biên bản khám nghiệm hiện trường, Sơ đồ hiện trường, Bản ảnh hiện trường, Vật chứng đã thu giữ, Bản kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu có trong hồ sơ đã có đủ cơ sở xác định: Trong thời gian từ khoảng giữa tháng 8/2020 đến ngày 30/9/2020 Phạm Văn T cùng đồng bọn đã có hành vi trộm tài sản cụ thể: Khoảng giữa tháng 8/2020, Phạm Văn T và Phạm Xuân H3 đã có hành vi trộm cắp khoảng 160m dây cáp viễn thông loại (50x2x0,5) tại Thôn T, xã Y, tỉnh H, giá trị tài sản 4.453.120 đồng. Ngày 20/9/2020, Phạm Văn T và Phạm Văn T1 đã có hành vi trộm cắp khoảng 160m dây cáp viễn thông loại (50x2x0,5) tại thôn TT, xã Y, huyện Y, giá trị 4.453.120 đồng. Khoảng 10 giờ ngày 30/9/2020, Phạm Văn T, Phạm Văn T1 và Phạm Xuân H3 có hành vi trộm cắp khoảng 155m dây cáp điện viễn thông loại (100x2x0,5) tại khu vực Thôn T, xã Y, tỉnh H, trị giá 6.000.000 đồng. Cùng ngày, 03 bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp 314m dây cáp điện viễn thông loại (50x2x0,5) tại thôn P, xã M, huyện V, trị giá 12.769.333 đồng. Như vậy, tổng giá trị tài sản mà bị cáo T đã trộm cắp là 27.675.573 đồng. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo T1 và H3 đã trộm cắp là 23.222.453 đồng. Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ đã truy tố các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn T1, Phạm Xuân H3 về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp sở hữu tài sản của bị hại, gây mất trật tự trị an địa phương.

Đánh giá vai trò, tính chất mức độ nguy hiểm của các bị cáo thì thấy: Bị cáo T giữ vai trò là người khởi xướng và thực hành đối với 04 hành vi trộm cắp tài sản. Các bị cáo T1, H3 giữ vai trò thực hành đối với 03 hành vi trộm cắp tài sản. Vì vậy hình phạt đối với

bị cáo T phải cao hơn các bị cáo T1, H3. Bị cáo T1 và bị cáo H3 vai trò ngang nhau nên hình phạt ngang nhau.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo thì thấy.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều phạm tội nhiều lần và mỗi lần phạm tội đều đủ định lượng tội phạm nên các bị cáo đều phải bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa các bị cáo đều trình bày có người nhà được tặng thưởng huân huy chương tuy nhiên không cung cấp được tài liệu chứng cứ về việc này, không những vậy tại các Biên bản làm việc với UBND xã Yên Phú (BL 534, 590, 637) đều xác định các bị cáo và gia đình không có ai được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Giấy khen, bằng khen và Huân huy chương gì. Do vậy không có căn cứ để áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ này. Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo T, T1 ra đầu thú nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ, nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cần thiết cách lý các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giám sát cải tạo các bị cáo thành người có ích cho xã hội.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trung tâm V khu vực III và Trung tâm V khu vực IV đã nhận lại tài sản và không yêu cầu đề nghị gì thêm nên về trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét.

[5] Vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự. Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với 03 chiếc điện thoại di động gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen, bên trong có 01 sim số 0348.489.412; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme màu đen, bên trong lắp sim số 0984.929.000 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9 màu xanh, bên trong lắp sim số 0982.123.152 tất cả trong niêm phong ký hiệu M3, là phương tiện các bị cáo liên lạc với nhau để bàn bạc thực hiện hành vi tội phạm nên sẽ cho tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước, tịch thu tiêu hủy sim trong 3 điện thoại.

- Đối với 01 xe ba gác tự chế, kích thước dài 3m, rộng 1,2m, phía trên có lan tre là phương tiện phạm tội và là vật tự chế, cấm lưu hành nên sẽ tịch thu cho tiêu hủy và 01 xe ba gác tự chế, chiều dài thân xe 2,7m, rộng 1,05m, dài 2,1m được buộc gắn vào cang xe bằng dây dù màu xanh; 01 con dao bằng kim loại đã hoen rỉ dài 0.4 m, rộng 07cm, chuôi dao dài 0.1m (niêm phong ký hiệu K1) đã thu của Tạ Minh T2 là vật cấm lưu hành và không có giá trị nên tịch thu cho tiêu hủy.

- Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius, màu trắng, số khung RLCS5C6409Y104973, số máy 5C64-104978 là xe của bị cáo T sử dụng làm phương tiện phạm tội là tài sản chung của vợ chồng bị cáo T và chị Th, chị Th xin được nhận lại ½ giá trị tài sản nên sẽ cho tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước ½ giá trị chiếc xe

trên, ½ giá trị còn lại sẽ trả lại cho chị Th.

- Đối với 01 kìm cộng lực dài 90 cm, tay cầm màu cam, 01 thang tre màu vàng dài 4m, 01 chiếc kéo màu xanh dài 0,6m, tay cầm màu đen dài 0,13m; 01 dây đai bằng vải màu xanh là dụng cụ phạm tội sẽ cho tịch thu hủy bỏ.

- Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius màu vàng trắng, đen, không đeo biển số (niêm phong ký hiệu K1) là tài sản của anh Tạ Minh T2, không liên quan đến tội phạm nên sẽ trả lại cho anh Tạ Minh T2.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s, b khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn T1, Phạm Xuân H3. Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn T1.

Điều 47 Bộ luật hình sự. Điều 106, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn T1, Phạm Xuân H3 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[2] Tuyên phạt:

- Xử phạt Phạm Văn T 01 (Một) năm tù được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/10/2020 đến ngày 01/12/2020, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn T1 09 (Chín) tháng tù được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/10/2020 đến ngày 01/12/2020, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo Phạm Xuân H3 09 (Chín) tháng tù được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/10/2020 đến ngày 01/12/2020, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong nên không xem xét.

[4] Vật chứng:

- Tịch thu cho phát mại sung công quỹ nhà nước 03 chiếc điện thoại di động gồm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen, bên trong có 01 sim số 0348.489.412; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme màu đen, bên trong lắp sim số 0984.929.000 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9 màu xanh, bên trong lắp sim số 0982.123.152 tất cả trong niêm phong ký hiệu M3, tịch thu tiêu hủy sim trong 3 điện thoại.

- Tịch thu cho tiêu hủy 01 xe ba gác tự chế, kích thước dài 3m, rộng 1,2m, phía trên có lan tre và 01 xe ba gác tự chế, chiều dài thân xe 2,7m, rộng 1,05m, dài 2,1m được

buộc gắn vào còng xe bằng dây dù màu xanh; 01 con dao bằng kim loại đã hoen rỉ dài 0.4 m, rộng 07cm, chuôi dao dài 0.1m (niêm phong ký hiệu K1).

- Tịch thu cho phát mại sung công quỹ nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius, màu trắng, số khung RLCS5C6409Y104973, số máy 5C64-104978. Trả lại chị Nguyễn Thị Th (vợ chị cáo T) $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe máy trên.

- Tịch thu cho tiêu hủy 01 kìm cộng lực dài 90 cm, tay cầm màu cam, 01 thang tre màu vàng dài 4m, 01 chiếc kéo màu xanh dài 0,6m, tay cầm màu đen dài 0,13m; 01 dây đai bằng vải màu xanh.

- Trả lại anh Tạ Minh T2 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius màu vàng trắng, đen, không đeo biển số.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 06 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mỹ).

[5] Án phí: Các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn T1, Phạm Xuân H3 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự.

[6] Quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

* Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh H;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THA dân sự huyện Y;
- Công an huyện Y;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã Y;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thị Nhiên